TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 14 - 01 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Doanh**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Đăng Hùng** và ông **Nguyễn Lộc Trang.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Văn Thuận** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông **Trần Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Triệu Thị T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 19/6/1967 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn N và bà Trần Thị U; chồng là Hà Cát Th (đã ly hôn); có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" - Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông **Sầm Văn Kính** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

** Nguyên đơn dân sự:*

- **Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Đại diện theo pháp luật: Ông **Đinh Quang H** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Văn K** - Chức vụ: Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B. (Văn bản ủy quyền số: 1501/UBND-VP ngày 21/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện B). Vắng mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Hà Cát Th** - sinh năm 1967; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:*

1. Bà **Nông Thị Ơ** - sinh năm 1966; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Bà **Hoàng Thị V** (tên gọi khác: Hoàng Thị D) - sinh năm 1973; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

3. Anh **Triệu Văn N** - sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, do có nhu cầu trồng cây gỗ Mỡ để phát triển kinh tế gia đình, Triệu Thị T một mình đem theo 01 con dao quắm lên lô rừng của gia đình quản lý tại khu vực rừng K thuộc thôn N, xã N để phát, phá rừng. T sử dụng dao phát các cây bụi, cây chuối rừng, dây rừng, cây gỗ tự nhiên nhỏ có đường kính dưới 10cm, còn các cây gỗ tự nhiên to có đường kính trên 10cm thì để lại. T tiến hành phát rừng trong thời gian 1,5 ngày thì phát được một phần lớn diện tích. Phần rừng còn lại do có nhiều cây cối rậm rạp, khó phát phá nên Triệu Thị T đã đến nhà bà Nông Thị O (sinh năm 1966) và bà Hoàng Thị V (tên gọi khác là Hoàng Thị D, sinh năm 1973), cùng trú tại thôn N, xã N để thuê bà O và bà V đi phát rừng cho T với tiền công thuê phát rừng là 200.000đ/1 người/1 ngày công thì được hai người đồng ý. Sáng ngày hôm sau, bà O và bà V có mặt tập trung tại nhà Triệu Thị T để đi phát rừng, khi đi mỗi người mang theo 01 con dao quắm bằng kim loại, sau đó cả ba người cùng nhau đi đến khu rừng K để phát rừng. T, O và V phát, phá rừng trong thời gian 3,5 ngày thì xong. Sau khi phát lô rừng xong T trả tiền công cho bà Nông Thị O và bà Hoàng Thị V mỗi người 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Quá trình phát phá rừng, Triệu Thị T, Nông Thị O và Hoàng Thị V chỉ sử dụng dao nên chỉ phát được dây rừng, cây bụi và những cây gỗ rừng tự nhiên nhỏ có đường kính dưới 10 cm, còn những cây gỗ rừng tự nhiên to có đường kính trên 10 cm không phát được thì để lại.

Cũng trong khoảng tháng 3/2020, T tiếp tục thuê Triệu Văn N (sinh năm 1981; trú tại thôn N, xã N, huyện B) đi cắt những cây gỗ rừng tự nhiên còn lại trong lô rừng bị phát, phá mà T, O và V không chặt được đã để lại và được N đồng ý. Mấy ngày sau, N một mình mang theo cưa máy đến lô rừng của T để cắt các cây gỗ còn lại. Ngàn cắt trong một ngày thì xong. Xong việc, T trả tiền công cắt cây cho N là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đến đầu tháng 5/2020, khi các

cây bị phát phá đã khô, Triệu Thị T một mình lên đốt lô rừng, sau đó dọn rừng để chuẩn bị trồng cây Mỡ.

Đến ngày 07/5/2020 sau khi Triệu Thị T đốt xong lô rừng thì Trạm Kiểm lâm C và chính quyền xã N phát hiện và tiến hành kiểm tra, đo diện tích lô rừng bị hủy hoại là 6.188m^2 và thống kê lâm sản bị thiệt hại tại lô rừng là 19,076m^3 gỗ, gồm 161 cây, khúc gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có đường kính trên 10cm và có yêu cầu Triệu Thị T giữ nguyên hiện trường. Tuy nhiên sau đó Triệu Thị T vẫn tiến hành cuốc hố và trồng cây Mỡ vào toàn bộ phần diện tích rừng đã phát phá.

Trước khi đi phát phá lô rừng Triệu Thị T chưa làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền và chưa được cơ quan chức năng nào cấp phép cho cải tạo, phát phá lô rừng trên.

Ngày 24/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B (CQCSĐT) phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ hủy hoại rừng xảy ra tại khu vực rừng K, thôn N, xã N do Triệu Thị T, Nông Thị O, Hoàng Thị V, Triệu Văn N thực hiện trong tháng 3/2020. Kết quả: Đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn thì vị trí lô rừng bị hủy hoại thuộc thửa đất số 369, Lô 6, Khoảnh 1, Tiểu khu 388. Chức năng là: Rừng sản xuất; trạng thái: Đất đã trồng trên núi đất (DTR). Tuy nhiên trạng thái thực tế là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (TXP). Tổ công tác đã tiến hành đánh dấu 6 điểm cố định từ điểm số 1 đến điểm số 6 trên toàn bộ lô rừng bị hủy hoại. Sau đó sử dụng máy định vị GPSmap60CSx để đo diện tích từ điểm số 1 đến điểm số 6 thành một vòng kép kín xác định được tổng diện tích lô rừng bị hủy hoại là 6.188m^2. Căn cứ vào lời trình bày của Triệu Thị T, Nông Thị O và Hoàng Thị V tổ công tác đã tiến hành đánh dấu điểm số 7 và số 8 để đo diện tích do Triệu Thị T một mình tự phát phá có diện tích là 4.039m^2, diện tích do Triệu Thị T, Nông Thị O và Hoàng Thị V cùng nhau phát phá là 2.149 m^2.

Hiện trường lô rừng bị hủy hoại, có các cây giống gỗ Mỡ được trồng rải rác trên toàn bộ lô rừng, trên mặt đất cỏ mọc thấp, có một số khúc gỗ bị cháy đen còn lại, các gốc cây bị hủy hoại còn lại, tổ công tác tiến hành đo đếm được 122 gốc cây có đường kính từ 10cm đến 40cm, ngoài ra không phát hiện gì thêm.

Căn cứ vào biên bản kiểm tra hiện trường về việc phát phá rừng trái pháp luật ngày 07/5/2020 của Trạm Kiểm lâm C thuộc Hạt Kiểm lâm B, xác định lâm sản bị thiệt hại là 161 cây, khúc gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có đường kính trên 10cm, có tổng khối lượng là 19,076m^3.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐGTS ngày 20/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, Kết luận tại thời điểm bị xâm hại tháng 3 năm

2020, 161 cây, khúc gỗ tròn nhóm V,VI,VII,VIII có khối lượng 19,076 m^3 có giá trị là: 26.972.600đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS-BT ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội: *"Hủy hoại rừng"* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

..."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo tự nguyện bồi thường 3.000.000đ cho Ủy ban nhân dân huyện B (UBND huyện B).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 03 con dao.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14, miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo khẳng định việc truy tố xét xử bị cáo về tội danh "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử

phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng và nhất trị với đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của UBND huyện B: Trong quá trình điều tra, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện B yêu cầu bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước (nếu có thiệt hại xảy ra) nên CQCSĐT xác định tư cách tham gia tố tụng của UBND huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/12/2020, đại diện UBND huyện B có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 26.972.600đ. Do đó, tại phiên tòa tư cách tham gia tố tụng của UBND huyện Bạch Thông là nguyên đơn dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do có nhu cầu phát rừng trồng cây lâm nghiệp nên trong tháng 3/2020 Triệu Thị T đã tự mình và thuê người đến khu rừng K thuộc thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để phát phá rừng trong thời gian là 05 ngày thì phát xong toàn bộ lô rừng, vị trí lô rừng bị phát phá: Thuộc thửa đất số 369, Lô 6, Khoảnh 1, Tiểu khu 388. Chức năng là: Rừng sản xuất; trạng thái: Đất đã trồng trên núi đất (DTR). Trạng thái thực tế là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi (TXP). Diện tích bị hủy hoại là 6.188 m^2. Lâm sản bị thiệt hại là 161 cây, khúc gỗ tròn có tổng khối lượng là 19,076m^3 gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị là 26.972.600đ (*Hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm đồng*).Trước khi thực hiện hành vi phát phá rừng, Triệu Thị T không làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền và không được cơ quan chức năng nào cấp phép cho cải tạo, phát phá lô rừng trên. Do đó, Cáo trạng số 41/CT-VKS-BT ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội *"Hủy hoại rừng"* theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền 3.000.000đ vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường thiệt hại cho UBND huyện B nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo khai phá rừng với mục đích để trồng cây lâm nghiệp nhưng do thiếu hiểu biết nên bị cáo đã không làm các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. *Hình phạt bổ sung là phạt tiền:* Xét thấy công việc và thu nhập của bị cáo không ổn định; bị cáo sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng.

[6]. Về hành vi của những người khác có liên quan trong vụ án:

Đối với bà Nông Thị O và bà Hoàng Thị V (tên gọi khác Hoàng Thị D) được Triệu Thị T thuê đi phát rừng, bà O, bà V cùng T tham gia phát rừng trong thời gian 3,5 ngày, phát được diện tích là 2.149m^2. Trước khi thuê bà O, bà V đi phát rừng, T không nói là khu rừng đó chưa được cơ quan chức năng nào cấp phép cải tạo, phát rừng và bà O, bà V cũng không hỏi Triệu Thị T là khu rừng đó đã được cơ quan chức năng cho phép cải tạo, phát rừng chưa. Quá trình xác minh, điều tra Nông Thị O và Hoàng Thị V đều chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp. Diện tích tham gia phát rừng của Nông Thị O và Hoàng Thị V chưa đến mức xử lý bằng pháp luật hình sự nhưng đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, CQCSĐT đã chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm lâm B xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Nông Thị O và Hoàng Thị V là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với anh Triệu Văn N là người được Triệu Thị T thuê đi cắt các cây gỗ mà T, O, V để lại trên lô rừng đã phát phá. Ngàn đã sử dụng cưa máy cắt các cây gỗ có đường kính từ 10cm trở lên trong thời gian một ngày được 161 cây, khúc gỗ tròn có tổng khối lượng là 19,076m^3 gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Quá trình thuê anh N đi cắt cây gỗ, T không nói cho N biết là khu rừng đó đã được cơ quan chức năng cho phép cải tạo, phát rừng hay chưa. N cũng không hỏi T là khu rừng đó đã được cơ quan chức năng cho phép cải tạo, phát rừng hay không. Qua xác minh,

điều tra Triệu Văn N chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp. Hành vi của Triệu Văn N chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm hủy hoại rừng nhưng đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, CQCSĐT đã chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm lâm B xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của Triệu Văn N là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với ông Hà Cát Th: Ông Th và bị cáo Triệu Thị T được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 227450 ngày 17/7/2008 đối với thửa đất số 369, tờ bản đồ số 02, diện tích 95661m^2, đất rừng sản xuất. Ông Th không biết việc T tự mình và thuê người đi phát phá lô đất rừng trên, không được bị cáo T trao đổi, bàn bạc về việc đi phát lô rừng trên. Do đó, CQCSĐT không xem xét xử lý đối với ông Hà Cát Th là đúng quy định của pháp luật.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:* Ngày 19/11/2020, bị cáo T đã nộp số tiền 3.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để bồi thường một phần thiệt hại cho UBND huyện B. Trong đơn xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2020, đại diện UBND huyện B chấp nhận số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường. Đối với thiệt hại còn lại, UBND huyện B đề nghị các đơn vị liên quan tiếp tục điều tra làm rõ nguyên nhân số gỗ bị mất để quy trách nhiệm bồi thường cho UBND huyện B. Xét thấy việc bị cáo bồi thường cho UBND huyện B là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. *Về vật chứng:*

- 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 30,5cm, rộng 04cm, dày 0,4cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống, đã qua sử tạm giữ của Nông Thị O dùng để phát phá rừng; 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 41,5cm, rộng 3,8cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống, đã qua sử dụng tạm giữ của Hoàng Thị V dùng để phát phá rừng; 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 52cm, rộng 3,5cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống, đã qua sử dụng tạm giữ của Triệu Thị T dùng để phát phá rừng là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc cưa máy của Triệu Văn N sử dụng để cắt cây cho Triệu Thị T, sau khi cắt cây xong chiếc cưa đã bị hỏng nên N đã bán sắt vụn. Do đó, CQCSĐT không thu giữ được.

- Đối với 161 cây, khúc gỗ tròn (từ nhóm V đến nhóm VIII) có khối lượng 19,076 m^3, đã bị mất không xác định được ai lấy đi nên CQCSĐT không thu giữ được. Xét thấy, khi lập biên bản vi phạm vào ngày 07/5/2020 về hành vi hủy hoại rừng của Triệu Thị T, Trạm Kiểm lâm C thuộc Hạt Kiểm lâm huyện B đã không giao số cây, khúc gỗ trên cho Ủy ban nhân dân xã hoặc tổ chức, cá

nhân nào quản lý là vi phạm quy định về bảo quản vật chứng quy định tại Điều 90 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hậu quả là số vật chứng trên bị mất. Do đó, cần kiến nghị Hạt Kiểm lâm huyện B khắc phục vi phạm.

- Số tiền 3.000.0000đ (Ba triệu đồng) bị cáo nộp cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho UBND huyện B.

[9]. *Về án phí:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã Nguyên Phúc là xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm "Tội hủy hoại rừng**".**

Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tri ệu Thị T cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo bị xử phạt nhưng cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của Triệu Thị T bồi thường cho Uỷ ban nhân dân huyện B số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 08747 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* *Về vật* chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 30,5cm, rộng 04cm, dày 0,4cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống; 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 41,5cm, rộng 3,8cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống; 01 (một) con dao bằng kim loại có màu đen, có chiều dài 52cm, rộng 3,5cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại gắn liền với thân dao, phần mũi dao cong xuống.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 27/10/2020 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường cho bị cáo.

* *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Triệu Thị T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

* Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- VKSND B;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện B;
- Bị cáo, đương sự;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thế Doanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đinh Đăng Hùng **Nguyễn Lộc Trang** **Nguyễn Thế Doanh**

Nơi nhận:
- VKSND Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện Bạch Thông;
- Bị cáo, đương sự;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Doanh